

Văn hóa nhóm và việc sử dụng chất kích thích dạng Amphetamine trong nhóm nam tình dục đồng giới tại Việt Nam

Nguyễn Thị Trang Nhung, Trần Thị Diệp, Hồ Thị Hiền

Trường Đại học Y tế Công cộng

Bùi Thị Minh Hào, Trần Thị Hòa

Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo HIV/AIDS, Trường Đại học Y Hà Nội

Tóm tắt: Việc sử dụng chất kích thích dạng Amphetamine (ATS) đang trở thành một vấn đề xã hội và y tế công cộng. Các nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra sự gia tăng của xu hướng sử dụng ATS trong khu vực, đặc biệt ở các thành phố lớn và tiếp theo đó là các hậu quả của ATS đối với cá nhân và xã hội. Nam tình dục đồng giới (MSM) là một trong những đối tượng có nguy cơ cao với sử dụng ATS. Dựa trên việc phân tích số liệu định tính thu được qua các cuộc phỏng vấn sâu 40 MSM đã và đang sử dụng ATS ở Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ một nghiên cứu lớn do Cơ quan Phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hiệp quốc (UNODC) tài trợ, bài viết nhằm mô tả văn hóa nhóm trong việc sử dụng và duy trì sử dụng của ATS. Kết quả phân tích cho thấy nhóm có một vai trò quan trọng trong việc bắt đầu và duy trì sử dụng ATS. Bạn bè trong nhóm là người giới thiệu MSM bắt đầu dùng ATS; nhóm giúp họ duy trì "cuộc sống có ATS" như hùn tiền mua thuốc, đi mua thuốc cho các thành viên nhóm và quan hệ tình dục tập thể trong nhóm. Các can thiệp nhằm giảm tác hại liên quan đến sử dụng ATS cần phù hợp với văn hóa nhóm MSM và chú ý tới yếu tố tác động của nhóm.

Từ khóa: MSM; Nam quan hệ tình dục đồng giới; ATS; Thuốc lắc; Đá; Tác động nhóm.

1. Đặt vấn đề

Sử dụng chất kích thích dạng Amphetamine (Amphetamine Type Stimulants - ATS) đang gia tăng ở các nước Đông Nam Á. ATS đã và đang góp phần làm mất an ninh trật tự cho các nước trong khu vực cũng như đang trở thành một vấn đề y tế công cộng cần được quan tâm (Farrell và những người khác, 2002; UNODC, 2003). ATS gây ra các rối loạn tâm thần kinh như trầm cảm, lo âu (UNODC, 2003; Beyrer và những người khác, 2004). Ngoài ra cũng có nhiều nghiên cứu chỉ ra có mối liên quan giữa sử dụng ATS và bị mắc các bệnh viêm nhiễm lây qua đường tình dục (Beyrer và những người khác, 2004; Inglez-Dias và những người khác, 2008).

MSM là một trong những nhóm có nguy cơ cao đối với sử dụng ATS (Inglez-Dias và những người khác, 2008; Rawstorne, 2007) ATS có tác dụng làm tăng hưng phấn tính dục, khiến người sử dụng có thể quan hệ tình dục tập thể và không sử dụng bao cao su. Vì vậy sử dụng ATS là yếu tố nguy cơ với HIV trong nhóm MSM và ra ngoài cộng đồng (CDC, 2006).

Bài viết mô tả văn hóa nhóm và phân tích tác động của nhóm trong việc sử dụng và duy trì sử dụng ATS trong nhóm MSM. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng cho việc xây dựng các can thiệp giảm tác hại phù hợp cho người sử dụng ATS là MSM.

Nghiên cứu áp dụng thiết kế định tính. Có 40 cuộc phỏng vấn sâu nam quan hệ tình dục đồng giới đã và đang sử dụng ma túy tổng hợp tại 3 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu được phân tích theo chủ đề sử dụng phần mềm NVIVO 8.0.

2. Kết quả

Sử dụng ATS trong nhóm MSM

Việc sử dụng ATS trong nhóm MSM là tương đối phổ biến. Nhiều đối tượng tham gia phỏng vấn sâu (3/4) nói rằng tỷ lệ dùng thuốc lắc trong nhóm MSM khá cao. Một số MSM trong nghiên cứu còn nói thêm rằng không có sự khác biệt về tỷ lệ sử dụng ATS giữa các nhóm đồng tính khác nhau. MSM có sử dụng ATS bao gồm nhiều thành phần khác nhau như "bóng kín", "bóng lợt"; cán bộ công chức, học sinh và sinh viên. Độ tuổi sử dụng ATS trong các nhóm đồng tính cũng đa dạng:

Trong nhóm em có 10 người thì 7-8 người sử dụng thuốc lắc (MSM, Đà Nẵng).

Dù loại thành phần đó, ... thành phần thương dân, bác sĩ, kỹ sư cũng có chơi, rồi những bà già đó cũng chơi (MSM, TP Hồ Chí Minh).

Gia nhập nhóm MSM là một nhu cầu của MSM để được khẳng định mình. Họ sẽ không bị kỳ thị là một MSM. Nhiều MSM chia sẻ, họ gia nhập nhóm và sử dụng ATS với hy vọng sẽ được chấp nhận trong thế giới của họ.

Chính vì bạn châu là MSM châu luôn cảm thấy xấu hổ tội thân với bản thân mình cho nên châu sử dụng các loại ma túy tổng hợp này để mình quên đi nỗi buồn nỗi sầu của mình (MSM, Hà Nội).

Tác động nhóm với việc bắt đầu sử dụng ATS

Do nhóm MSM có tỷ lệ sử dụng ATS cao, gia nhập nhóm MSM khiến các thành viên có nguy cơ sử dụng ma túy và duy trì sử dụng ma túy cao. Loại thuốc họ dùng lần đầu tiên đa số là thuốc lắc, tuy nhiên một tỷ lệ không nhỏ nói rằng họ dùng cả thuốc lắc và đá (methamphetamine dạng tinh thể). Đặc biệt, họ thường được sử dụng miễn phí lần đầu tiên tại nơi sinh hoạt cộng đồng của họ. Cơ hội tiếp xúc lần đầu tiên này có thể là lúc đang đi chơi, tham dự sinh nhật, lễ tết (nô-en, tết dương lịch), tại các quán bar hay vũ trường; hoặc là dự lễ khai trương cửa hàng của bạn. Họ được bạn bè cho/mời hoặc rủ để rồi "thử cho biết". Các đối tượng nghiên cứu cũng cho biết là do bạn bè dùng nên họ "a dua" theo. Họ đều được cho một liều rất nhỏ để thử, như chỉ đủ nếm (có thể chỉ là một phần tư, một phần năm hoặc nhiều nhất là một nửa viên thuốc).

Mặc dù nghiên cứu này không có số liệu về tỷ lệ MSM từ chối lời mời sử dụng ATS của nhóm, song có thể thấy rằng lời giới thiệu của nhóm/ bạn bè trong nhóm có ý nghĩa trong việc bắt đầu sử dụng ATS của MSM. Một MSM chia sẻ về lần đầu tiên sử dụng thuốc lắc:

Có một anh ở trong nhóm đấy thì anh ấy đi mua về xong anh ấy chia cho, những người chơi lâu rồi có thể cần cả viên hoặc hơn một viên, còn những đứa mới chơi có thể cần một phần hoặc một phần hai (MSM, Hà Nội).

Tuy nhiên, có MSM trong thành phố Hồ Chí Minh đã nêu ra một ví dụ về tác động tích cực của những bạn bè trong nhóm trong việc hạn chế MSM sử dụng ATS.

Hôm qua nó có mua về nhưng mà bạn châu bảo là thôi ngừng không chơi nữa, thì nó cũng không chơi (MSM, thành phố Hồ Chí Minh).

Môi trường sử dụng

Nghiên cứu này cho thấy vũ trường, quán bar có vai trò quan trọng với MSM. Đây là nơi họ giao lưu, hẹn hò với bạn bè, chia sẻ với những người cùng có xu hướng tình dục với họ. Tham gia vào nhóm có thể phần nào giảm được áp lực trong cuộc sống hằng ngày. Các đối tượng nghiên cứu cho rằng quán bar, vũ trường là môi trường thuận lợi cho tiếp cận và sử dụng ATS. Một MSM ở Đà Nẵng đã cho rằng "mình thấy như là đa số là

dùng ATS ở vũ trường” Một MSM khác ở thành phố Hồ Chí Minh cũng có chung ý kiến: “*Trong 10 người ở vũ trường thì 7-8 người dùng*”. Dẫn chứng trên cho thấy việc tiếp xúc với môi trường nguy cơ cao xung quanh nhóm MSM là nguy cơ cho việc sử dụng ATS ở nhóm cộng đồng này.

Địa điểm sử dụng ma túy là khác nhau đối với các nhóm MSM khác nhau. Một số nhóm sử dụng phòng riêng tại nhà các thành viên. Một số nhóm thuê nhà nghỉ để sử dụng. Số khác đến quán bar hoặc vũ trường.

Thì thường thường ai quen biết rồi, làm sư với nhau, nếu biết mình chơi thì thường rủ đi chơi, rủ đến nhà nghỉ hoặc đi đâu đó chơi (MSM, Hà Nội)

Văn hóa nhóm trong sử dụng ATS

ATS là phương tiện gắn kết nhóm MSM

Đối với những người nam giới tham gia nghiên cứu với phần lớn là thanh niên thì nhóm đối với họ là “môi trường xã hội” trong đó ATS được xem như là một “công cụ” kết nối giữa các cá nhân trong nhóm. ATS được sử dụng để “mời mọc, chào hỏi”. Có người nói rằng “*thấy quý bạn nào thì có thể xin số điện thoại xong hẹn vào vũ trường chơi lắc*”.

Số lượng người trong nhóm khác nhau, thường là khoảng từ 7 đến 15 người. Đa số MSM đều nói là họ cần chung và dùng chung ATS. Một đặc điểm khác đối với việc sử dụng ATS là chơi một mình sẽ rất “chán”. Tham gia nhóm cũng sẽ dễ dàng có thuốc để dùng bằng cách chung tiền và có người đi mua thuốc cho cả nhóm.

Nhưng nếu một mình thì chán lắm, có nhạc nhưng thích có một người khác giống mình, họ cũng ở trạng thái phê cùng phấn khích. Thường thích cả nhóm, ví dụ cả nhóm chỉ có 1, 2 người không thích thì em cũng không chơi, nếu cả nhóm cùng chơi thì mới chơi, như vậy thì sẽ vui hơn; thì có thể người này cho người khác mượn tiền cũng dễ dàng hơn. Khi có người hôm đó không có tiền thì dùng tạm của bạn bè, đến khi nào có lại mời lại (MSM, Hà Nội)

Đối với những người đã sử dụng ma túy thì nhóm có tầm quan trọng là duy trì cuộc sống nghiện. Họ cũng nói rằng giá của đá có thể từ 200 ngàn đến 3 triệu đồng; giá của thuốc lắc thì từ 100 ngàn đến hơn một triệu đồng một viên. Vì vậy, với những người không có công ăn việc làm thì sử dụng theo nhóm là lựa chọn tối ưu. Đây là cũng một lý do khiến cho các MSM thích sử dụng ATS theo nhóm.

Khi nào bạn em nó thiếu tiền khoảng 200 đến 300 ngàn đồng nó kêu em bỏ tiền vào rồi đi mua và dùng chung (MSM, Đà Nẵng).

Bạn trong nhóm là những người giúp các thành viên khác trong nhóm có thuốc chơi chung. Các phỏng vấn cho thấy, để mua thuốc dễ dàng thì phải quen và ở trong mạng lưới vì những người bán chỉ bán và giao hàng cho những người quen do sợ công an phát hiện. Thêm vào đó, theo một số

MSM chia sẻ, thành viên trong nhóm có thể giúp mua được thuốc có chất lượng hơn.

Giữa người mua và người bán thì phải thân nhau, phải biết nhau; nếu không quen biết thì có gọi người ta cũng nói là không có; phải là người thân và đã từng mua nhiều lần thì người ta mới bán (MSM, Đà Nẵng).

Bon cháu thường đi theo hội, thường kéo nhau đi rồi khắc có người đứng ra mua, góp tiền xong có người đứng ra mua cho ạ, còn bọn cháu không biết chỗ bán đâu ạ, nó bảo nó biết chỗ còn không thì không biết chỗ nhờ mua phải đó già (MSM, Hà Nội).

Quan hệ tình dục

Một số nam thanh niên tham gia nghiên cứu này cũng cho biết mức độ tin tưởng trong nhóm cao. Một số nhóm còn có thói quen đi chơi (vũ trường) phải có đủ người trong nhóm. Các thành viên trong nhóm có thể mời thêm người cùng chơi. Một số khác nói rằng họ phải rủ những người thân quen trong nhóm đi chơi vì *"thế nào cũng quan hệ tình dục sau khi sử dụng thuốc và đa số là quan hệ tình dục tập thể"*.

Thì nhóm MSM cũng cứ rủ nhau đi vũ trường, không thì về nhà chơi. Hoặc nếu khi người ta thích nhau muốn đi chơi với nhau thì người ta rủ đi chơi, chơi xong đó thì có chuyện làm tình với nhau. Cũng còn tùy xem người bạn đó như thế nào thì mới rủ đi được (MSM, Đà Nẵng).

Như trên đã đề cập, kết quả nghiên cứu cho thấy mối liên quan giữa hành vi tình dục và việc duy trì sử dụng ATS trong các nhóm. Đa số các đối tượng phỏng vấn nói rằng bạn tình thường là người trong nhóm và quan hệ tình dục với nhiều người trong nhóm sau sử dụng ATS là phổ biến. Một MSM cũng cho biết thêm rằng khi sử dụng ATS thì họ sẽ có thêm bạn tình.

Bạn tình thì nhiều hơn, nếu không dùng lắc thì chỉ có một bạn tình thôi nhưng khi dùng rồi thì có quan hệ với nhiều người (MSM, Đà Nẵng)

Điều này có thể là do ATS giúp cho họ dễ dàng hơn trong tiếp cận bạn tình hoặc là họ có thể có quan hệ tình dục với những người mới quen biết.

Minh hít càng nhiều thì ham muốn tình dục cao và mình muốn quan hệ ngay lập tức, đá này sau khi mình hít đến độ thèm quan hệ tình dục thì không còn phân biệt đâu là nam đâu là nữ nữa mà có thể gai xin cũng ăn thịt [quan hệ tình dục] cả gai luôn mà gái cũng quan hệ luôn cả gái (MSM, Hà Nội).

Trao đổi tình dục cũng được ghi nhận trong nghiên cứu này. Qua phỏng vấn, một đối tượng cho biết có người trong nhóm của họ quan hệ tình dục với người bán thuốc để có thể lấy thuốc với giá rẻ, hoặc duy trì bạn tình: *"bổ là đại gia nên thường xuyên bao/cho thuốc"*.

Minh nè, thì người ta rủ mình đi chơi nhưng mình nói mình hết tiền nên mình với anh là trừ, "ừ thế thì cũng được" mình cũng chịu [chiếu] luôn, mấy lần vậy đó (MSM, TP Hồ Chí Minh).

Tóm lại, nhóm là một trong những mạng xã hội quan trọng với cuộc sống MSM. Điều này phần nào là do kỹ kỹ kép của xã hội với người sử dụng ATS là MSM. Sự gia tăng và sự phổ biến của việc sử dụng ATS trong các nhóm MSM góp phần làm tăng nguy cơ sử dụng và duy trì sử dụng ATS cho quần thể này. Ngoài ra, nhóm còn giúp làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV khi MSM thường có quan hệ tình dục tập thể sau khi sử dụng ATS.

3. Bàn luận

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá lại những ảnh hưởng của nhóm đến hành vi của MSM. Cụ thể, sự ảnh hưởng có thể phân chia thành 3 khía cạnh: mối quan hệ trong nhóm, các cấu trúc nhóm và chức năng của nhóm (Knowlton và những người khác, 2005). Mối quan hệ trong nhóm là bạn bè, người yêu, bạn học, bạn tình; cấu trúc của nhóm là đặc tính của mối quan hệ trong nhóm đó (số lượng, kích cỡ); và chức năng của nhóm bao gồm các chuẩn mực, quy định hay đặc điểm của nhóm đó như là sự đóng viên hay hỗ trợ trong nhóm. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm thấy ảnh hưởng của cả ba khía cạnh này lên vấn đề sử dụng ATS của MSM. Các MSM trong nghiên cứu này chỉ ra bạn bè (gồm cả bạn tình, bạn chơi) và thậm chí họ hàng là những người đóng góp quan trọng trong việc sử dụng và duy trì sử dụng ATS trong nhóm. Tuy kích thước và đặc điểm (thể hiện ở văn hóa nhóm) của các nhóm cũng đa dạng nhưng thường là những người "động viên" và "dẫn dắt" MSM sử dụng ATS.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng đồng thuận với nhiều nghiên cứu trên thế giới. Valente đã chỉ ra rằng những hành vi như hút thuốc lá hay lạm dụng ma túy của vị thành niên bị ảnh hưởng nhiều bởi bạn bè trong nhóm (Valente, 2003). Nghiên cứu ở Trung Quốc chỉ ra rằng những người chưa sử dụng ma túy bị ảnh hưởng khi quan sát thấy hành vi sử dụng ma túy thường xuyên của bạn mình và dần dần họ chấp nhận đó như một hành vi bình thường và cùng tham gia (Koram và những người khác, 2011). Nghiên cứu về động lực sử dụng Methamphetamine trong một nhóm thanh niên tại Thái Lan cũng chỉ ra rằng áp lực nhóm và cơ hội tiếp xúc với môi trường nguy cơ cao cũng là lý do cho việc sử dụng Methamphetamine trong nhóm này (Sherman và những người khác, 2008). Điều này được giải thích rằng cơ chế của mỗi con người chúng ta muốn thể hiện là mình hòa đồng hay "thuộc về" một nhóm nào đó (Hagerty BMK và P. K., 1995)

Nghiên cứu này cũng chỉ ra sự ảnh hưởng mang tính chất vòng xoáy giữa sử dụng ATS và áp lực nhóm của quần thể ATS. Đầu tiên, ATS giúp kết nối họ với nhau thành nhóm (rủ thêm bạn bè, có thêm bạn tình). Sau đó nhóm lại là giúp họ duy trì vấn đề sử dụng ATS. Một trong những lý giải cho ảnh hưởng của bạn bè lên sự sử dụng ATS trong nhóm những

người này đó là sự kỳ thị hay thiếu quan tâm của gia đình đối với nhóm. Hiện nay, khi MSM ở Việt Nam vẫn chưa được thừa nhận và đang được xem là một bệnh trong xã hội thì những áp lực tinh thần từ môi trường bên ngoài và gia đình dễ dẫn những người này vào môi trường nguy cơ cao (vũ trường, quán bar) và bị lôi kéo bởi những hành vi tiêu cực. Điều này gợi ý rằng các can thiệp giảm việc sử dụng ATS nên bắt đầu từ sự quan tâm của gia đình đối với MSM hay sự giảm kỳ thị ở ngoài cộng đồng đối với quần thể này.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra ảnh hưởng tích cực của nhóm lên hạn chế sử dụng ATS trong MSM. Vì vậy, chúng ta có thể sử dụng sự ảnh hưởng của bạn bè trong nhóm để giáo dục hoặc giảm tỷ lệ sử dụng ATS. Chúng ta có thể hỗ trợ những người không sử dụng ATS, đặc biệt là những người đứng đầu nhóm, tuyên truyền, thậm chí xây dựng văn hóa "không ATS" trong các nhóm, hay tuyên truyền tác hại của ATS.

Một điều nữa đáng lưu ý trong nghiên cứu này là nhà nghỉ được chọn là một trong những địa điểm thường dùng để sử dụng ATS của các nhóm. Đây chính là môi trường thuận lợi góp phần cho việc quan hệ tình dục sau khi sử dụng thuốc của các nhóm. Kết quả nghiên cứu này cũng như nhiều nghiên cứu trên thế giới (Semple và những người khác, 2002; Cheng và những người khác, 2010) đã chỉ ra rằng đa số các nhóm đều quan hệ tình dục sau đó và họ có thể quan hệ tình dục với "bất cứ ai", hiện tượng quần hôn là phổ biến sau khi sử dụng ATS. Và đây là nguyên nhân chính cho nguy cơ lây truyền HIV trong quần thể này. Vì vậy, việc quản lý các nhà nghỉ hay sử dụng các nhân viên/quản lý nhà nghỉ cho việc tuyên truyền giảm tác hại ATS cần được xem xét trong các chính sách về ATS.

Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi không phân tích sâu về hành vi tình dục sau khi sử dụng ATS cũng như phân tích về nguy cơ nhiễm HIV trên nhóm đối tượng này. Cần có những nghiên cứu sâu về quan hệ tình dục tập thể, hành vi sử dụng bao cao su và các rào cản tình dục an toàn trong nhóm MSM. Hơn thế nữa, có thể xem xét sử dụng một số thang đo định lượng đã dùng để đánh giá ảnh hưởng của những người xung quanh tới vấn đề sử dụng Methamphetamine trên thế giới (Koram và những người khác, 2011) nhằm có thêm những bằng chứng cho việc hoạch định chính sách.

Kết quả nghiên cứu này nhấn mạnh có sự tác động nhóm với sử dụng trong nhóm MSM. Để hạn chế việc sử dụng hoặc sự "lây lan" sử dụng ATS trong quần thể này cần tiến hành các can thiệp kịp thời, chú trọng đến đối tượng đích không chỉ là những cá nhân riêng biệt mà phải là cả mạng lưới xã hội, cụ thể là các đặc điểm văn hóa nhóm. Cần tiến hành đo lường đánh giá, định lượng để so sánh mối liên quan giữa sử dụng ATS và các sự ảnh hưởng của nhóm. ■

Tài liệu tham khảo

- Farrell, M., et al. 2002. "Methamphetamine: drug use and psychoses becomes a major public health issue in the Asia Pacific region". *Addiction*, 97(7): p. 771-2.
- UNODC. 2011. *World Drug Report 2011*.
- UNODC. 2003. *Ecstasy and amphetamines Global Survey 2003*.
- Beyrer, C., et al. 2004. "Methamphetamine users in northern Thailand: changing demographics and risks for HIV and STD among treatment-seeking substance abusers". *International Journal of STD & AIDS*, 15(10): p. 697-704
- Inglez-Dias, A., et al. 2008. "Trends in methamphetamine use in young injection drug users in San Francisco from 1998 to 2004: the U=U Study". *Drug and Alcohol Review*, 27(3): p. 286-91.
- Rawstorne, P., et al. 2007. "Associations between crystal methamphetamine use and potentially unsafe sexual activity among gay men in Australia". *Archives of Sexual Behavior*, 36(5): p. 646-54
- CDC. 2006. "Methamphetamine use and HIV risk behaviors among heterosexual men—preliminary results from five northern California counties, December 2001–November 2003". *Morbidity Mortality Weekly Report*, 55(10): p. 273-7.
- UNODC. 2012. Các chất kích thích dạng Amphetamine ở Việt Nam: một đánh giá mức độ sẵn có, sử dụng và tác động đối với sức khỏe và an toàn xã hội Việt Nam
- Knowlton, A.R., W. Hua, and C. Latkin. 2005. "Social support networks and medical service use among HIV-positive injection drug users: implications to intervention". *AIDS Care*, 17(4) p. 479-92.
- Valente, T.W. 2003. "Social Network Influences on Adolescent Substance Use: An Introduction". *Connections*, 25(2). p. 11.
- Koram, N., et al. 2011. "Role of social network dimensions in the transition to injection drug use: actions speak louder than words". *AIDS Behavior*, 15(7): p. 1579-88.
- Sherman, S.G., et al. 2008. "Initiation of methamphetamine use among young Thai drug users: A qualitative study". *Journal of Adolescent Health*, 42(1) p. 36-42
- Hagerty BMK and P. K. 1995. "Developing a measure of sense of belonging". *Nursing Research*, 44(1): p. 9-13.
- Semple, S.J., T.L. Patterson, and J. Grant. 2002. "Motivations associated with methamphetamine use among HIV+ men who have sex with men". *J Subst Abuse Treat*, 22(3): p. 149-56.
- Cheng, W.S., et al. 2010. "Binge use and sex and drug use behaviors among HIV(-), heterosexual methamphetamine users in San Diego". *Subst Use Misuse*, 45(1-2): p. 116-33.